

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

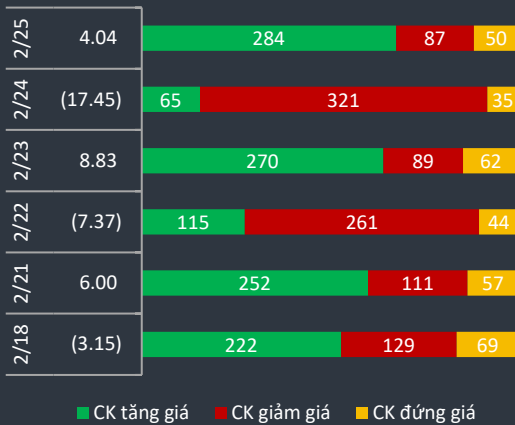
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường phục hồi như dự báo và xanh điểm mạnh ngay từ lúc mở cửa. Mức phủ xanh của thị trường luôn xấp xỉ gần 300 mã xanh so với chỉ chừng 90 mã giảm. Tuy nhiên so với đà hưng khởi đầu phiên thì buổi chiều thị trường có phần chùng xuống và đóng cửa chỉ xanh nhẹ 4 điểm. Ngưỡng 1500 lại một lần nữa lỡ hẹn trong tuần này.

Nhóm dầu khí đồng loạt quay đầu giảm sau 3 phiên tăng mạnh. Tín hiệu chốt lời gia tăng mạnh ở nhóm big cap như GAS, PVS, PLX. Từ giá 120.100 đồng cuối phiên sáng, GAS đã rơi về 117.000 đồng. Hàng loạt mã dầu khí mất điểm trong có PLX giảm 1,6%, PVD giảm 3,93%, PVT giảm 2,8%, PVS giảm 2,87%, PCG giảm 4,39%, BSR giảm 3,51%... Chỉ có vài mã nhỏ trụ được trên tham chiếu như PTV, PCN, POV, PVO, PVC, PGC.

Cổ phiếu phân bón có sự thay nhíp ở nhóm PCE, ĐV, PSE tăng trên 6% trong khi DCM, DPM có tín hiệu chốt lời mạnh và đóng cửa quanh tham chiếu. Cổ phiếu bất động sản hồi phục khá ở cả nhóm blue chip lẫn đầu cơ. FLC, QCG, VPH, HQC tăng từ 2% - 3%. Nhóm NLG, AGG, HDG cũng giữ đà hồi phục khá trên 2%. Cổ phiếu KCN ghi nhận ITA, TIP, KBC, GVR, IDC tăng nhẹ nhưng dấu hiệu tiền vào không nhiều lắm.

Cổ phiếu chứng khoán cho thấy tích cực hơn với toàn bộ cổ phiếu trong ngành đều tăng giá. AAS, CTS, ORS, IVS, VIG, SHS đều tăng trên 3%. SSI cũng xanh nhẹ 2.5% và thanh khoản cũng vượt 15 triệu cổ phiếu trong ngày, hơn 30% so với phiên trước. Sóng chứng khoán có thể đi chậm nhưng chắc chắn so với các nhóm ngành còn lại.

Cổ phiếu ngân hàng cũng có 18/27 mã xanh trong đó EIB, VPB, tăng trên 3%. Một vài nhận định gần đây dự báo VPB có thể đạt lợi nhuận vượt trội trong năm nay. Mỗi ngân hàng năm nay đều có câu chuyện riêng thu hút giới đầu tư như OCB sẽ phát hành 70 triệu cổ phiếu (tương đương 5% vốn điều lệ hiện tại) thông qua phương thức phát hành riêng lẻ. MB và ACB nhiều khả năng có khoản hoàn nhập dự phòng tiềm năng nhờ có tỷ lệ LLR cao. Sacombank (STB) thì có câu chuyện kế hoạch bán 32,5% cổ phần của VAMC tại ngân hàng. Techcombank (TCB) dự kiến sẽ IPO công ty chứng khoán TCBS thời gian tới. Ngân hàng cũng được kỳ vọng sẽ tái đàm phán để ký hợp đồng banca mới.

Vnindex 1,498.89

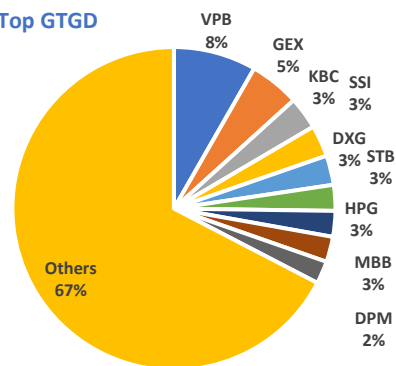
▲ +4.04 (+0.27%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VPB	38.2	1,300	3.52
SSI	45.7	1,100	2.47
TPB	42.0	700	1.70
HDB	29.3	450	1.56
VIB	47.4	550	1.17
DHG	113.8	1,100	0.98
HVN	25.9	250	0.97
GVR	34.0	300	0.89
REE	74.0	500	0.68
MWG	137.6	800	0.58
POW	17.9	100	0.56
TCB	50.7	200	0.40
NVL	76.3	300	0.39
VNM	78.9	300	0.38
FPT	92.3	300	0.33
STB	33.0	100	0.30
MBB	34.1	100	0.29
BVH	59.0	-	-
VRE	34.0	-	-
CTG	33.9	-	-
SAB	169.6	(100)	(0.06)
BID	44.6	(50)	(0.11)
HPG	45.9	(100)	(0.22)
VCB	85.1	(200)	(0.23)
ACB	34.4	(100)	(0.29)
VHM	78.3	(300)	(0.38)
MSN	158.0	(1,500)	(0.94)
BCM	82.1	(800)	(0.97)
PNJ	107.8	(1,200)	(1.10)
PDR	87.5	(1,100)	(1.24)
VIC	79.1	(1,000)	(1.25)
GAS	117.2	(1,800)	(1.51)
PLX	62.4	(1,000)	(1.58)
VJC	145.1	(2,900)	(1.96)



## Top GTGD



Chỉ số Vnindex đóng cửa cuối tuần có phần giảm nhẹ so với tuần trước do những biến động chính trị thế giới. Dự báo thị trường sẽ còn tiếp tục rung lắc mạnh trong tuần sau nhưng dòng tiền sẽ vận động mạnh mẽ hơn và hướng sự đầu tư vào các nhóm ngành dự báo tăng trưởng. Nhà đầu tư tiếp tục tận dụng các nhịp điều chỉnh để nắm giữ cổ phiếu đặc biệt là ở nhóm ngành: bán lẻ, chứng khoán, phân bón, dệt may, BDS khu công nghiệp, ngân hàng.

Cổ phiếu ưu tiên nắm giữ hiện tại: DGW, MWG, PET, VCI, FTS, CTS, VCI, DPM, DCM, TNG, TCM, GVR, SZC, OCB, VPB, TCB, MBB.

## Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VPB	38.2	6.4	35	45	Mua mới quanh 37-38. Mục tiêu 45	2/25/2022	
TCM	67.0	(1.0)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	0.0%
KBC	57.8	(1.2)	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	3.2%
HPG	45.9	(2.4)	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	2.0%
FTS	58.1	7.4	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	11.7%
TNG	34.4	4.2	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 36	2/7/2022	18.6%
DPM	53.9	9.8	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 50	2/7/2022	28.3%
VCI	62.3	3.0	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	7.4%
GVR	34.0	1.2	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	6.3%
REE	74.0	2.1	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	13.8%
NLG	53.7	(2.7)	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	1.3%
OCB	26.9	(1.5)	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	0.0%
TCB	50.7	(1.7)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	1.4%
CTG	33.9	(2.0)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-3.1%
STK	54.3	(0.5)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	2.5%
VIB	47.4	1.2	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	0.9%
MBB	34.1	4.4	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	17.6%
MWG	137.6	2.7	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	1.9%

## Tổng hợp kết quả kinh doanh 2021

	Số DN	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	%	Lợi nhuận 2020	Lợi nhuận 2021	%
Ngân hàng	26	278,567	347,222	24.6%	108,714	144,922	33.3%
Bất động sản	68	271,992	316,605	16.4%	49,219	54,326	10.4%
Sản xuất và KD Thép	26	239,810	365,704	52.5%	16,216	44,292	173.1%
Thực phẩm và đồ uống	70	306,480	332,060	8.3%	27,858	36,835	32.2%
Dầu khí	21	356,183	466,904	31.1%	7,258	20,104	177.0%
Dịch vụ tài chính	40	27,705	49,251	77.8%	6,935	18,146	161.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	87,120	96,633	10.9%	10,541	12,421	17.8%
Điện	40	122,826	110,322	-10.2%	12,113	11,965	-1.2%
Vận tải - Logistics	71	96,353	114,276	18.6%	6,115	10,663	74.4%
Bất động sản KCN	20	49,158	57,393	16.8%	9,717	9,982	2.7%
Xây dựng	107	163,622	172,977	5.7%	8,181	7,834	-4.2%
Bán lẻ	23	181,192	218,181	20.4%	4,598	7,610	65.5%
Phân bón	13	35,954	54,378	51.2%	30	5,755	19163.2%
Vật liệu xây dựng	41	54,972	61,527	11.9%	4,879	5,447	11.6%
Công nghệ Thông tin	19	40,575	46,168	13.8%	3,829	4,770	24.6%
Bảo hiểm	12	28,113	65,753	133.9%	3,746	4,724	26.1%
Hóa chất	24	48,335	69,236	43.2%	2,555	4,538	77.6%
Thủy sản	23	61,258	59,704	-2.5%	2,718	3,212	18.2%
Nước	46	21,813	22,068	1.2%	2,657	3,182	19.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	46,960	49,526	5.5%	2,817	3,006	6.7%
Dệt May	21	54,633	59,726	9.3%	1,886	2,980	58.0%
Y tế	34	52,586	46,379	-11.8%	2,675	2,786	4.1%
Khoáng sản	27	61,097	70,140	14.8%	1,116	2,106	88.7%
Tài nguyên Cơ bản	20	22,600	27,423	21.3%	264	1,432	441.5%
Cao su	11	4,515	5,661	25.4%	700	1,250	78.6%
Xây dựng và Vật liệu	54	31,919	29,112	-8.8%	144	1,168	711.6%
Ô tô và phụ tùng	11	41,225	39,233	-4.8%	1,011	1,026	1.6%
Truyền thông	27	7,744	7,983	3.1%	655	915	39.7%
Bao bì	17	20,917	28,091	34.3%	664	546	-17.8%
Viễn thông	5	34,144	33,946	-0.6%	1,937	436	-77.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	6	16,234	16,867	3.9%	(29)	230	-906.1%
Du lịch và Giải trí	28	17,337	14,552	-16.1%	22	(526)	-2494.6%
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1047</b>	<b>2,883,939</b>	<b>3,455,002</b>	<b>19.8%</b>	<b>301,739</b>	<b>428,084</b>	<b>41.9%</b>

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Tăng trưởng ngành trong ngày

Phân bón	2.67
Dịch vụ tài chính	2.62
Ô tô và phụ tùng	2.58
Khoáng sản	1.94
Tài nguyên Cơ bản	1.91
Viễn thông	1.82
Công nghệ Thông tin	1.57
Hóa chất	1.49
Dệt May	1.39
Cao su	1.31
Thủy sản	1.24
Truyền thông	1.18
Bảo hiểm	0.96
Y tế	0.91
Xây dựng	0.88
Vật liệu xây dựng	0.71
Du lịch và Giải trí	0.67
Bất động sản KCN	0.66
Ngân hàng	0.63
Bất động sản	0.62
Sản xuất và KD Thép	0.61
Điện	0.58
Hàng & Dịch vụ...	0.41
Thực phẩm và đồ...	0.36
Vận tải - Logistics	0.32
Dầu khí	0.15
Nước	0.13
Hàng cá nhân & Gia.(0.28)	0
Bán lẻ (0.30)	0
Bảo (0.84)	0

**CII** - CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM - Thông báo, chỉ bán được hơn 3,53 triệu cổ phiếu trong tổng số hơn 44,32 triệu cổ phiếu quỹ đăng ký bán từ ngày 24/1 đến 22/2 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, với giá bán bình quân 35.128 đồng/cổ phiếu.

**EVE** - CTCP Everpia – Đã thông qua việc đầu tư vào Quỹ đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam, với tổng giá trị đầu tư mua 4 triệu chứng chỉ quỹ, với giá trị dự kiến 40 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trước quý III/2022.

**BNA** - CTCP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc - Trong năm 2022, BNA dự kiến đem về gần 1,312 tỷ đồng doanh thu và 91 tỷ đồng lãi sau thuế, lần lượt tăng 31% và 38% so với thực hiện năm 2021.

**DPM** - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Đã trúng gói thầu xuất khẩu và đã kịp xuất bán ngay trong tháng 1. Với mức giá ure dao động từ 750-800 USD/tấn vào thời điểm đó, DPM dự kiến thu về khoản lợi nhuận ước đạt 1.000 - 1.100 tỷ đồng.

**GTA** - CTCP Chế biến Gỗ Thuận An - Đặt ra kế hoạch kinh doanh với chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 569,5 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 17,18 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng gần 7% và 9,6% so với thực hiện năm 2021. Ngoài ra, Công ty dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 11%.

**IDV** - CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc - Ngày 03/3 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 20 cổ phiếu mới).

**HUT** - CTCP Tasco – Đã thông qua việc tăng vốn để hoán đổi 100% phần vốn góp tại Công ty TNHH SVC Holdings.

**KMT** - CTCP Kim khí miền Trung - Ngày 02/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 03/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 23/3/2022.

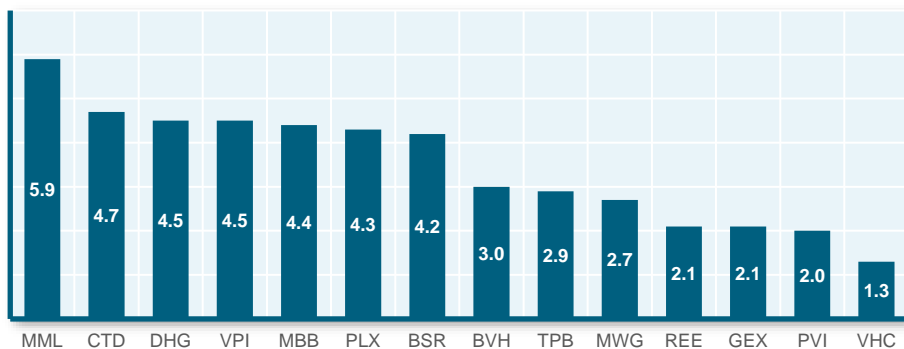
**SBS** - CTCP Chứng khoán ngân hàng Hàng Sài Gòn Thương Tín - Bà Hà Thị Thu Hồng, nhà đầu tư cá nhân, đã bán toàn bộ tổng cộng 14.329.800 cp (tỷ lệ 11,31%) và không còn là cổ đông lớn. Giao dịch thực hiện ngày 18 và 21/2/2022.

**BWE** - CTCP Nước và môi trường Bình Dương - Ông Nguyễn Văn Thiện, Chủ tịch HĐQT, đã mua 244.200 cp trong tổng số 500.000 cp đăng ký mua trước đó, nâng lượng sở hữu sau giao dịch lên 7.961.590 cp (tỷ lệ 4,13%). Giao dịch thực hiện từ 25/1 đến 23/2/2022.





## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



## Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	38.2	49,379,700	14.6	2.0	-	441,900	169,817	17.01	2,621	19,187
VIB	HOSE	47.4	2,371,600	11.5	3.0	24,100	4,300	73,619	20.49	4,127	15,640
VCB	HOSE	85.1	1,616,500	14.4	2.8	563,300	1,004,600	402,737	23.65	5,907	29,974
VBB	UPCOM	17.4	16,508	16.4	1.4	-	-	8,312	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	14.9	730,650	10.1	1.0	-	-	8,045	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	42.0	10,795,200	13.8	2.6	528,700	50,500	66,355	29.76	3,054	16,430
TCB	HOSE	50.7	6,665,900	9.9	1.9	-	-	178,003	22.47	5,138	26,505
STB	HOSE	33.0	17,789,600	18.2	1.8	3,270,200	1,457,000	62,212	18.85	1,810	18,174
SSB	HOSE	36.3	1,951,000	20.6	2.9	-	-	53,669	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	21.8	7,373,200	11.7	1.6	2,900	2,600	58,138	3.33	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.4	89,501	-	1.5	-	-	5,667	0.01	398	12,042
PGB	UPCOM	33.5	45,478	38.2	2.4	-	-	10,050	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	26.9	2,209,300	8.4	1.7	12,800	-	36,850	22.00	3,216	15,917
NVB	HNX	30.9	37,600	-	3.0	-	-	12,570	8.33	3	10,397
NAB	UPCOM	20.6	310,220	-	-	500	-	13,523	(2.58)	-	-
MSB	HOSE	26.9	6,164,800	10.2	1.9	-	-	41,090	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	34.1	16,805,000	10.1	2.1	57,200	87,300	128,841	23.24	3,361	16,538
LPB	HOSE	23.1	6,914,300	9.7	1.7	80,500	6,800	28,549	4.99	2,387	13,960
KLB	UPCOM	27.1	80,968	12.9	2.1	-	-	9,796	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	29.3	4,047,700	9.7	1.9	2,488,700	1,747,800	58,857	16.79	3,016	15,339
EIB	HOSE	34.9	490,100	44.7	2.4	32,300	3,400	42,907	29.68	781	14,395
CTG	HOSE	33.9	10,212,900	11.6	1.7	559,800	3,686,500	162,675	26.01	2,932	19,488
BVB	UPCOM	20.8	2,691,094	30.7	1.6	20,100	2,000	7,635	0.10	678	12,638
BID	HOSE	44.6	2,347,500	21.3	2.6	136,500	13,200	225,357	16.85	2,090	17,073
BAB	HNX	22.4	29,681	23.2	1.9	-	-	16,870	-	964	12,018
ACB	HOSE	34.4	5,508,400	9.7	2.1	20,000	20,000	92,812	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	16.9	1,505,363	7.6	1.0	2,000	2,000	15,902	14.22	2,238	16,828
			<b>158,179,763</b>	<b>16.20</b>	<b>2.03</b>	<b>7,799,600</b>	<b>8,529,900</b>	<b>1,990,859</b>		<b>2,310</b>	<b>15,873</b>



## Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DAE	HNX	18/03/2022	21/03/2022	29/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PDN	HOSE	17/03/2022	18/03/2022	6/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	ADC	HNX	14/03/2022	15/03/2022	25/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GTN	HOSE	8/3/2022	9/3/2022		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 16:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	HDA	HNX	7/3/2022	8/3/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
6	HEV	HNX	7/3/2022	8/3/2022	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	PNJ	HOSE	7/3/2022	8/3/2022	7/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SAB	HOSE	2/3/2022	3/3/2022	23/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	KMT	HNX	2/3/2022	3/3/2022	23/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DAD	HNX	2/3/2022	3/3/2022	28/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	IDV	HNX	2/3/2022	3/3/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	SVD	HOSE	1/3/2022	2/3/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
14	VGT	UPCoM	28/02/2022	1/3/2022	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	BDB	HNX	28/02/2022	1/3/2022	15/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	VIX	HOSE	24/02/2022	25/02/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
17	KKC	HNX	23/02/2022	24/02/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100000:10819	Thưởng cổ phiếu
18	NDP	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	21/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HEM	UPCoM	22/02/2022	23/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	CCI	HOSE	22/02/2022	23/02/2022	31/03/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DNC	HNX	21/02/2022	22/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DTV	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	4/3/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	USD	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	7/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 880 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

### Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931